مُلخَّص رسالة:

«حقوقٌ دعت إليها الفطرة وقرَّرتها الشَّريعة»

للعلَّامة: محمَّد بن صالح العثيمين $

Tóm Lược Thông Điệp:

Các Quyền Lợi Mà Bản Năng Kêu Gọi & Được Thừa Nhận Bởi Luật Shari'ah

Bởi: Sheikh Muhammad Bin Saleh Al-'Uthaimin

Language:	Á-rập – Việt ngữ	العربيَّة - الفيتنامية	اللُّغة:
Targeted areas:	…… …… ……	…… …… ……	المناطق المُستهدفة باللُّغة:
Translated by:	……	……	ترجمة:
Revised by:	Học viện nghiên cứu Sunnah	القسم العلمي بمعهد السنة	مراجعة:
Supervisor:	Tiến sĩ Haitham Sarhan	د. هيثم سرحان	إشراف:
Edition & Year:	Lần đầu - 1443H	الأولى - 1443هـ	النسخة والسَّنة:

الطَّبعة الأولى

الحقوق متاحة لكلِّ مسلمٍ ومسلمةٍ

الرَّجاء التَّواصل على: islamtorrent@gmail.com

فسح وزارة الإعلام

¢

Quyền (1): Quyền của Allah Tối Cao	الحقُّ الأوَّل: حقُّ الله تعالى
Chỉ thờ phượng một mình Ngài, không tổ hợp cùng Ngài bất cứ gì, trở thành một nô lệ phục tùng Ngài, tuân theo mệnh lệnh của Ngài, tránh những điều cấm đoán của Ngài, tin vào thông tin của Ngài truyền đạt. Một niềm tin mẫu mực, một niềm tin vào chân lý và hành thiện, đó là một đức tin dựa trên nền tảng tình yêu và sự tôn vinh, và kết quả của nó là: Ikhlas (sự chân thành) và kiên nhẫn.	أن تعبده وحده لا شريك له، وتكون عبدًا مُتذلِّلًا خاضعًا له، مُمتثلًا لأمره، مُجتنبًا لنهيه، مُصدِّقًا بخبره. عقيدةٌ مُثلى، وإيمانٌ بالحقِّ، وعملٌ صالحٌ مُثمرٌ. عقيدةٌ قِوامها: المحبَّة والتَّعظيم، وثمرتها: الإخلاص والمُثابرة.
Quyền (2): Quyền của Sứ Giả của Allah – Sol lol lo hu 'a lai hi wa sal lam –	الحقُّ الثَّاني: حقّ رسول اللّه ﷺ
Tôn kính, kính trọng, tôn vinh Người, đề cao vị trí của Người một cách phù hợp, không cường điệu hoặc xơ xài. Tin tưởng vào những gì được Người báo về mọi vụ việc trong quá khứ và tương lai, tuân thủ theo những điều Người chỉ bảo, tránh những điều Người cấm và khiển trách, một lòng tin rằng sự hướng dẫn của Người là một chỉ đạo toàn vẹn và ra sức bảo vệ giáo luật và sự chỉ đạo của Người.	توقيره، واحترامه، وتعظيمه؛ التَّعظيمَ اللَّائقَ به، من غير غُلوٍّ ولا تقصيرٍ. وتصديقُه فيما أخبر به من الأمور الماضية والمُستقبَلة، وامتثالُ ما به أمرَ، واجتناب ما عنه نهى وزجرَ، والإيمانُ بأنَّ هديَه أكملُ الهدي، والدِّفاعُ عن شريعته وهديه.
Quyền (3): Quyền của cha mẹ	الحقُّ الثَّالث: حقّ الوالدين
Đối xử tốt với cha mẹ bằng lời nói và hành động nhẹ nhàng, phục vụ cha mẹ bằng tiền bạc và sức lực,	أن تبرَّهما، وذلك بالإحسان إليهما قولًا وفعلًا، بالمال والبدن، وتمتثل أمرهما في

غير معصية الله، وفي غير ما فيه ضررٌ عليك.

nghe theo lời cha mẹ trong khuôn khổ không nghịch Allah và không gây hại bản thân.

الحقُّ الرَّابع: حقّ الأولاد

(1) التَّربية؛ وهي تنمية الدِّين والأخلاق في نفوسهم، حتَّى يكونوا على جانبٍ كبيرٍ من ذلك.

(2) أن يُنفَق عليهم بالمعروف، من غير إسرافٍ ولا تقصيرٍ.

(3) ألَّا يُفضَّل أحدٌ منهم على أحدٍ في العطايا والهبات.

Quyền (4): Quyền của con cái

(1) Quan tâm việc giáo dục con cái về mặt tôn giáo và rèn luyện đạo đức trong tâm hồn của chúng để nó chiếm vị trí ưu thế trong lòng chúng.

(2) Cấp dưỡng hợp lý cho chúng, không phung phí hoặc thiếu hụt.

(3) Luôn công bằng giữa các con trong ban phát và quà tặng.

الحقُّ الخامس: حقّ الأقارب

أن يصل قريبه بالمعروف؛ ببذل الجاه، والنَّفع البدنيّ، والنَّفع الماليّ بحسب ما تتطلَّبه قوَّة القرابة والحاجة.

Quyền (5): Quyền của họ hàng

Duy trì mối quan hệ họ hàng theo cách đúng mực, uy tín, giúp đỡ họ bằng thể lực và tài chính tùy thuộc vào mức độ thân thiết và mức độ thiếu thốn của từng người.

الحقُّ السَّادس: حقّ الزَّوجين

أَن يعاشر كلٌّ منهما الآخر بالمعروف، وأن يبذل الحقَّ الواجب له بكلِّ سماحةٍ وسهولةٍ، من غير تكرُّهٍ لبذله ولا مُماطلةٍ.

من حقوق الزَّوجة على زوجها: أن يقوم بواجب نفقتها من الطَّعام والشَّراب والكسوة والمسكن وتوابع ذلك، وأن يعدل بين الزَّوجات.

Quyền (6): Quyền của vợ chồng

Sống tử tế với nhau và nhường nhịn nhau một cách khoan dung, tôn trọng quyền của người kia mà không có bất kỳ sự ép buộc hay trì hoãn nào trong việc thực hiện các quyền của nhau.

Trong số các quyền của chồng đối với vợ là làm tròn bổn phận cấp dưỡng cho người vợ về đồ ăn, thức uống, quần áo, nhà ở và phải thường xuyên và phải đối xử bình đẳng với tất cả các người vợ của mình.

من حقوق الزَّوج على زوجته: أن تطيعه في غير معصية الله، وأن تحفظه في سرِّه وماله، وألَّا تعمل عملًا يضيِّع عليه كمال الاستمتاع.

Trong số các quyền của vợ đối với chồng là nghe theo lời chồng trong khuôn khổ không bất tuân Allah, bảo vệ bí mật và tài sản của chồng, và không làm điều gì đó có thể làm hỏng sự hưởng thụ của chồng.

الحقُّ السَّابع: حقّ الولاة والرَّعيَّة

Quyền (7): Quyền của lãnh đạo và dân chúng

حقوق الرَّعية على الوُلاة: أن يقوموا بالأمانة الَّتي حمَّلهم الله إيَّاها، وألزمهم القيام بها؛ من النُّصح للرَّعيَّة، والسَّير بها على النَّهج القويم الكفيل بمصالح الدُّنيا والآخرة، وذلك باتِّباع سبيل المؤمنين.

Quyền của dân chúng đối với lãnh đạo: Họ có trách nhiệm giữ an ninh mà Allah đã giao phó và họ phải duy trì điều đó bằng việc khuyên bảo dân chúng và đi theo con đường đúng đắn đảm bảo lợi ích cho cuộc sống đời này và Đời Sau, bằng cách đi theo con đường của những người có đức tin.

حقوق الولاة على الرَّعيَّة فهي: النُّصح لهم فيما يتولَّاه الإنسان من أمورهم، وتذكيرهم إذا غفلوا، والدُّعاء لهم إذا مالوا عن الحقِّ، وامتثال أمرهم في غير معصية الله، ومُساعدتهم.

Quyền của những người lãnh đạo đối với người dân: Là tư vấn cho họ về những công việc mà họ có trách nhiệm, nhắc nhở họ nếu họ trở nên thờ ơ, cầu nguyện cho họ nếu họ đi chệch khỏi chân lý, tuân theo mệnh lệnh của họ nếu điều đó không bất tuân với Allah, và giúp đỡ họ.

الحقُّ الثَّامن: حقّ الجيران

Quyền (8): Quyền của hàng xóm láng giềng

الجار: هو القريب منك في المنزل، يُحسِن إليه بما استطاع من المال والجاه والنَّفع، ويكفُّ عنه الأذى القوليَّ والفعليَّ.

(1) إن كان قريبًا منك في النَّسب وهو مسلمٌ؛ فله ثلاثة حقوقٍ: حقُّ الجوار، وحقُّ القرابة، وحقُّ الإسلام.

Hàng xóm là người sống gần gũi với bạn. Bạn nên đối xử tốt với họ bằng những gì bạn có thể như tiền bạc, vị trí xã hội và sự giúp đỡ. Bạn cũng nên hạn chế mọi tổn hại đến họ dù lời nói hay hành động.

(1) Nếu là họ hàng, và người Muslim thì họ có đến ba quyền: Quyền láng giềng, quyền họ hàng, và quyền Islam.

(2) إن كان مسلمًا وليس بقريبٍ في النَّسب؛ فله حقَّان: حقُّ الجوار، وحقُّ الإسلام.

(2) Nếu không thuộc họ hàng nhưng là người Muslim thì họ có hai quyền: Quyền hàng xóm và quyền Islam.

(3) وكذلك إن كان قريبًا وليس مسلمًا؛ فله حقَّان: حقُّ الجوار، وحقُّ القرابة.

(3) Nếu là họ hàng nhưng không phải Muslim thì họ có hai quyền: Quyền láng giềng và quyền họ hàng.

(4) إن كان بعيدًا غير مسلمٍ فله حقٌّ واحدٌ: حقُّ الجوار.

(4) Nếu không phải họ hàng và không phải Muslim thì họ vẫn có một quyền: Quyền hàng xóm.

الحقُّ التَّاسع: حقّ المسلمين عمومًا

Quyền (9): Quyền chung của người Muslim

منها السَّلام، وأن تجيبه إذا دعاك، وأن تنصحه إذا استنصحك، وأن تشمِّته إذا عطس فحمد الله، وأن تعوده إذا مرض، وأن تتَّبعه إذا مات، وأن تكفَّ الأذى عنه.

Trong các quyền đó là được nhận lời chào Salam; nếu được mời bạn phải đáp lại; nếu xin lời khuyên thì hãy khuyên; nếu hắt hơi và nói 'Alhamdulillah', hãy cầu xin cho họ; nếu bị ốm hãy đến thăm họ; nếu qua đời hãy tham gia tang lễ; tránh gây bất kỳ tổn hại đến họ.

حقوق المسلم على المسلم كثيرةٌ، ويمكن أن يكون المعنى الجامع لها هو قوله ﷺ: «**الْمُسْلِمُ أَخُو الْمُسْلِمِ**»؛ فإنَّه متى قام بمُقتضى هذه الأُخُوَّة اجتهد أن يتحرَّى له الخير كلَّه، وأن يجتنب كلَّ ما يضرُّه.

Quyền của một người Muslim đối với một người Muslim có rất nhiều, và chúng có thể được tóm tắt ý nghĩa bằng câu nói của Thiên sứ – Sol lol lo hu 'a lai hi wa sal lam –: "Một người Muslim là anh em với một người Muslim." Theo đó, việc thực hiện các yêu cầu của tình anh em này sẽ khiến một người nỗ lực tìm kiếm mọi điều tốt đẹp cho người anh em Muslim của mình và tránh bất cứ điều gì có hại cho anh ta.

الحقُّ العاشر: حقّ غير المسلمين

Quyền (10): Quyền của người không phải Muslim

يجب على وليِّ أمر المسلمين أن يحكُم فيهم بحكم الإسلام في النَّفس والمال والعِرض، وأن يُقيم الحدود عليهم فيما يعتقدون تحريمه،

Một nhà lãnh đạo Islam phải cai quản họ bằng luật Islam về cuộc sống, tài sản và danh dự của họ, đặt giới hạn cho họ theo những gì là Haram (bị cấm), và phải bảo vệ

ويجب عليه حمايتهم وكفُّ الأذى عنهم.

họ và không làm hại họ.

ويجب أن يتميَّزوا عن المسلمين في اللِّباس، وألَّا يُظهروا شيئًا مُنكَرًا في الإسلام، أو شيئًا من شعائر دينهم؛ كالنَّاقوس، والصَّليب.

Bắt buộc họ phải ăn mặc khác biệt với người Muslim, không được thể hiện bất kỳ thứ gì phản cảm trong Islam hoặc bất kỳ nghi lễ tôn giáo nào của họ, như chuông hoặc thánh giá.